

LỄ HỘI - NHÌN TỪ LUẬN THUYẾT CỦA GIỚI FOLKLORE ĐÔNG Á VÀ CHÂU ÂU

Trong xã hội hiện đại, lễ hội là một khía cạnh quan trọng của văn hóa và di sản. Trong số các lễ hội, có một khía cạnh đặc biệt là khía cạnh lý luận, được gọi là "lễ hội - nhìn từ luận thuyết". Điều này có thể ám chỉ đến việc phân tích, lý giải ý nghĩa và giá trị của lễ hội thông qua các khía cạnh lý luận, khoa học. Trong bài viết này, chúng ta sẽ cùng nhau khám phá khía cạnh này, với sự đóng góp của giới Folklore Đông Á và Châu Âu.

Các nhà nghiên cứu Folklore Hàn Quốc/Korea thường dùng từ *chúc tế* để chỉ lễ hội. Theo họ, đây không phải là một từ phổ thông ai cũng hiểu, mà là một thuật ngữ khoa học và rất thông dụng trong giới nghiên cứu văn hoá. *Chúc tế* là một từ gốc Hán dùng theo kiểu Nhật Bản để dịch từ Festival của phương Tây. Đây cũng là sự dung hợp giữa tiếng Hán và tiếng Hàn. Trước hết, trong cụm từ Hán (Chúc tế), người ta thấy rõ chữ tương ứng là tế. Tế có nghĩa là tế tự, tế lễ, nhưng ý nghĩa khá rộng, bao hàm cả những việc khánh hỷ/du hý (réjouissance), nghệ thuật... có tính chu kỳ, chu nhì phục thuỷ, (hết một vòng lại bắt đầu trở lại). Như vậy, *chúc tế* là thuật ngữ chỉ các hoạt động khánh hỷ, khánh chúc (Féliciter) và các hoạt động tế tự được cử hành ở quy mô lớn, bao gồm cả hai hình thái tế thần và hội cuồng hoan. Trong tiếng Hàn, tương đương với từ *chúc tế* còn có các từ truyền thống như: đại yến tiệc, đại vu thuật, hoặc cuộc du hý quân thể. Hoạt động đại vu thuật cũng mang hàm nghĩa ngày hội/tết lớn, cuộc khánh điển lớn, cuộc du hý đại quy mô... Tương đương với từ *chúc tế* của Hàn Quốc, là từ chúc nghi (nghi lễ chúc mừng) của

những nước láng giềng như Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, Lào, Campuchia, v.v.

Trong khi đó, giới Folklore Châu Âu thường dùng từ *Festivus* để chỉ lễ hội. Festivus là một khái niệm có nguồn gốc từ tiếng Latinh, có nghĩa là "tết" hoặc "ngày hội".

Festivus là một khái niệm quan trọng trong văn hóa và di sản của các nước như Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Úc, v.v.

Festivus là một khái niệm quan trọng trong văn hóa và di sản của các nước như Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Úc, v.v.

Festivus là một khái niệm quan trọng trong văn hóa và di sản của các nước như Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Úc, v.v.

Cô.TS. KIỀU THU HOẠCH

Cô.TS. KIỀU THU HOẠCH là một nhà nghiên cứu Folklore nổi tiếng, đã có nhiều đóng góp quan trọng cho lĩnh vực này.

Cô.TS. KIỀU THU HOẠCH là một nhà nghiên cứu Folklore nổi tiếng, đã có nhiều đóng góp quan trọng cho lĩnh vực này.

Cô.TS. KIỀU THU HOẠCH là một nhà nghiên cứu Folklore nổi tiếng, đã có nhiều đóng góp quan trọng cho lĩnh vực này.

Cô.TS. KIỀU THU HOẠCH là một nhà nghiên cứu Folklore nổi tiếng, đã có nhiều đóng góp quan trọng cho lĩnh vực này.

Nhật Bản. Song theo quan niệm của giới Folklore Nhật Bản thì chúc nghi thường mang hàm nghĩa "làm vui cho thánh thần", tức có quan hệ chặt chẽ với việc thờ thần. Như thế, dù gọi theo cách nào thì hai nội dung lễ và hội cũng luôn luôn gắn với nhau như hai thành tố không thể thiếu của hoạt động lễ hội.

Về mặt lý thuyết, giới Folklore Hàn Quốc cho rằng, cần phải nhận thức lễ hội như là hoạt động riêng có của loài người. Quan niệm cũ từng lấy khái niệm "con người thông minh" (homo Sapien) và "con người lao động" (homo faber) để phân biệt sự khác nhau giữa con người với các sinh vật khác trên trái đất. Nhưng, đến đầu thế kỷ 20, giáo sư lịch sử triết học người Hà Lan Johann Huizinga đã đưa ra khái niệm mới, "con người du hý" để phân biệt con người với các loài vật. Song, khái niệm mới này cũng không đứng vững. Giáo sư Đại học An Đông, Hàn Quốc, Hàn Dương Minh lại cho rằng, nếu nói một cách thật nghiêm xác, thì đâu phải chỉ con người mới biết du hý, mà loài vượn cũng thích du ký, cũng biết chơi đùa. Cho nên, cần phải thêm khái niệm "con người lễ hội" (homo Festivus). Loài người là một sinh vật duy



nhất biết cử hành lễ hội; và chỉ có loài người mới biết tổ chức lễ hội để xác nhận sự tồn tại của mình.

Theo giáo sư Hàn Dương Minh, có nhiều cách tiếp cận lễ hội. Xem xét ý nghĩa văn hóa của lễ hội, đặc biệt trong tương quan giữa lễ hội với cuộc sống thường ngày, có một số quan điểm sau:

1- Lễ hội là cái cửa thông gió/lỗ thông hơi, mà từ đó có ý nghĩa tác động như một giải pháp nhất thời làm cho mọi người thoát ra khỏi sự đè nén, ngọt ngạt đối với cuộc sống thường ngày. Cũng có thể hiểu, lễ hội như là sự đền bù/bù đắp (indemnisation) đối với mọi người khi cuộc sống thường nhật bị đè nén đến mức bùng nổ. Nói như câu nói đầy hình ảnh của giới thần học Pháp thế kỷ 15 “nếu không thường xuyên mở cái nút mà vứt vào không khí thì thùng rượu vang sẽ nổ tung bất kể lúc nào”.

2- Lễ hội vừa là sự khẳng định, vừa là sự phủ định đối với cuộc sống hàng ngày. Trong hoạt động lễ hội, người ta đem sự nhẫn nhịn, kìm nén hằng ngày đối với những cấm kỵ để phủ định và phá hoại các trật tự của đời thường; điều đó có nghĩa là, hoạt động lễ hội có quan hệ mật thiết với khả năng sáng tạo cuộc sống mới, và đó chính là ý nghĩa của mặt khẳng định ý nghĩa này sẽ góp phần cống hiến đối với việc mở rộng và làm tăng thêm ý thức về cuộc sống. Do đó, lễ hội không chỉ đơn thuần là cái cửa thông khí để điều tiết cuộc sống thường ngày, mà còn là tiêu chuẩn của cuộc sống cộng đồng trong tương lai.

3- Lễ hội luôn luôn có quan hệ đối lập/đối chọi với cuộc sống hàng ngày. Chính vì vậy mà, ý nghĩa của lễ hội càng to lớn và quan trọng. Thời gian, không gian của lễ hội do đó, thường hình thành sự đối sánh có tính kịch phát đối với thời gian, không gian của cuộc sống ngày thường (luận điểm của Roger Caillois trong *Théorie de la Fête/luận thuyết hội hè*, Paris, 1939). Trong nội dung cơ bản của sự đối sánh thì đó là “hành vi quá phản/quá mức”, là sự khẳng định tính tràn đầy đối với cuộc sống thường ngày. Mặt khác, qua sự ảo tưởng của đời sống tâm linh, lễ hội thiết định một thế giới khác với hiện thực cuộc sống. Luận điểm này cũng rất gần gũi với cách nhìn nhận của nhà

phân tâm học người Áo Sigmund Freud (1856 - 1939), khi ông cho rằng: “Lễ hội là một sự thái quá được phép, thậm chí được sắp đặt và là một sự vi phạm trọng những điều cấm kỵ” (*Totem et tabou/vật tổ và cấm kỵ*, Paris, 1924).

Như vậy, lễ hội không chỉ hàm chứa chức năng lỗ thông hơi mà còn có chức năng định ra mô hình lý tưởng cho cuộc sống thường ngày. Ý nghĩa văn hóa của lễ hội còn ở chỗ, do các trò vui chơi, do hội cuồng hoan mà xoá bỏ mọi trật tự sai biệt giữa thần và người, trên và dưới, già và trẻ, giàu và nghèo, sang và hèn, có và không, trung tâm và ngoại vi, hiển quý và bình dân... Để hướng tới thế giới đại đồng. Tinh thần đại đồng, dung hợp với sự khẳng định và phủ định cuộc sống thường ngày, đồng thời xoá bỏ ý nghĩa của sự khác biệt đó. Đó chính là cái mô hình “Tiên cảnh nguồn đào” của thế giới đại đồng mà mọi thành viên xã hội đều muốn hướng tới/vươn tới. Lễ hội cũng là dịp tái khẳng định bản thân là người ở bản thôn, bản xứ, bản địa, đồng thời xoá đi mọi mâu thuẫn trong thôn xóm. Với lớp trẻ, qua các trò chơi dân gian (kéo co, đấu vật, múa kiếm...) càng nhận thức rõ vai trò của mình như một thành viên trong cộng đồng với các phẩm chất đạo đức cần thiết, đồng thời từ đó học được cách mà một thành viên trưởng thành cần phải hành xử như thế nào trong cộng đồng. Và, đây cũng chính là một ý nghĩa nữa của văn hóa lễ hội.

Về cấu trúc và tính chất của lễ hội, giới nghiên cứu Folklore Hàn Quốc và Nhật Bản đều căn cứ vào những diễn biến lịch sử cụ thể của lễ hội bản địa để nêu lên những phân tích, lý giải và nhận định khoa học từ nhiều góc nhìn khác nhau.

Ở Hàn Quốc/Koréa, ít ra từ thời Trung cổ, đã thấy có các hình thức “ca múa làm vui lòng thần” trong lễ hội; và hình thức lễ hội bình thường một năm một lần, hình thức lễ hội lớn mười năm một lần. Như thế là, lễ hội đã có tính cố định và tính chu kỳ: thông thường thì “nhất niên nhất lệ”. Tính cố định và tính chu kỳ của lễ hội đương nhiên là có sự điều chỉnh của các thời kỳ lịch sử khác nhau. Chẳng hạn vào lúc ban đầu, thì dạng sơ giản nhất của lễ hội chỉ là đọc văn tế một cách trang nghiêm để cầu chúc thần. Còn việc ca múa cuồng hoan để làm vui

cho thần thì rõ ràng phải là sự điều chỉnh về sau. Mặt khác, lễ hội nguyên chỉ là sự tái hiện cái hỗn độn (Chaos). Nói đúng hơn, bộ mặt vốn có của lễ hội chính là muốn tái hiện cái dạng thức nguyên sơ của thời hỗn độn, trước khi hình thành trật tự vũ trụ (Cosmos), và để qua đó đi tìm sự tái sinh của bao la vạn tượng. Theo quan niệm của Mircea Eliade - nhà nghiên cứu lịch sử tôn giáo nổi tiếng người Rumania, thì Cosmos là hình thái vũ trụ đã định hình và có trật tự, tức là thế giới trần tục; còn Chaos là hình thái hỗn độn, tối tăm, mờ mịt chưa phân hoá đất, trời, âm, dương, đó chính là khoảng không/thời gian thiêng liêng. Khi bước vào lễ hội cũng là lúc con người huỷ bỏ thế giới Cosmos, để bước vào cõi thiêng Chaos, và rồi lại chuẩn bị tái sinh trở lại thế giới trần tục Cosmos, vòng quay cứ thế chuyển mãi theo một lịch trình thời gian có tính chu kỳ/Cyclical).

Nói đến tính chu kỳ của lễ hội cũng có nghĩa là nói đến vấn đề không/thời gian của lễ hội. Lễ hội bao giờ cũng có thời gian, không gian riêng của mình, khác với thời gian, không gian của cuộc sống thường ngày. Chẳng hạn, ngay từ khi dân làng sửa soạn các đồ tế khí để vào hội, thì không gian của thôn làng đã bắt đầu bước vào khoảng không/thời gian phi ngày thường hoá rồi. Trước đó là loài người chi phối thế giới. Từ đó trở đi, kể từ khi thần, thành hoàng hạ phàm ngồi vào ngai thờ và được khiêng kiệu rước từ miếu vào trong làng, thì thế giới ấy, đã trở thành do thần chi phối: Dân làng cùng các chức sắc phải sớm tối thăm viếng thần; các gia chủ và toàn gia phải sắm sanh lề vật và tỏ rõ sự tôn kính thần. Tuy nhiên, hết lễ hội thì không/thời gian lại trở về trạng thái ngày thường. Hết lễ hội, cuộc sống thường nhật lại bắt đầu. Rồi đến một lúc nào đó, lại là lễ hội. Thế là hình thành mối quan hệ tuần hoàn và đối lập giữa lễ hội và ngày thường. Ý nghĩa của sự đối lập ở đây không phải là tách rời mà là hai cái cùng tồn tại và có quan hệ ảnh xạ, đối chiếu/chiếu ứng cùng nhau. Quan hệ đó thông qua lễ hội tỏ rõ sự khẳng định đối với thần cùng giá trị chi phối của thần. Trong thời gian không gian lễ hội, thần tồn tại như là lực lượng siêu việt song không cô lập mà giáng lâm và hoà trong thế tục, cùng chung vui với thế tục. Do

vậy mà, dân làng cũng đổi đai với thần, thành hoàng như cách đổi đai với các bậc trưởng thượng trong làng. Chính từ đó đã nảy sinh quan niệm "thần người cùng vui".

Trong lễ hội, ăn uống linh đình là chuyện tất yếu; cả ở Nhật Bản và Hàn Quốc đều như vậy. Ngược dòng lịch sử Hàn Quốc, lễ hội "Tế trời" chính là một lễ hội ca múa và ăn uống luôn mấy ngày đêm liền; đồng thời, đây còn là một lễ hội tế thiên thần có tính chất quốc gia. Bởi vậy, ở Hàn Quốc, thuật ngữ yến tiệc cũng được dùng với ý nghĩa lễ hội, và hiện nay cũng quen dùng trong khẩu ngữ. Ở Nhật Bản, ăn uống cũng nằm trong phạm trù văn hoá ẩm thực của lễ hội.

Một nội dung quan trọng khác được biểu hiện như một hình thái cấu trúc của lễ hội, đó là các hoạt động mang tính phồn thực. Nam nữ nhảy múa ca hát, chơi trò mặt nạ (kiểu vũ hội hoá trang carnaval), rồi bộc lộ công khai các trò chơi trò diễn tính dục - mô phỏng hôn lễ, trò chơi động phòng... Nghĩa là tất cả những gì bị tôn giáo và luật lệ phong kiến cấm kỵ, thì nay đều bung ra thoải mái: "Lễ hội thành hoàng là dịp quần chúng tụ tập đông vui, đêm ngày rượu chè, bài bạc thoả sức, quan phủ huyền không ngăn cấm". "Lễ hội cũng là thời/không gian mọi người mượn dịp làm tình thoả thích". Như thế, từ góc nhìn nào đó, lễ hội đã triệt tiêu mọi cấm kỵ thường nhật.

Về mặt tinh thần, tư tưởng, lễ hội còn là dịp để con người vươn tới thế giới đại đồng (Universalisme). Chính trong lễ hội, cuộc sống chật hẹp thường ngày được bù đắp (indemniser) theo xu hướng đại đồng. Chẳng hạn, lễ hội năm mới mùa xuân, vốn được triển khai trên cơ sở phủ định đối với năm cũ, nói cụ thể hơn là được triển diễn trên tinh thần cơ bản của sự phủ định đối với mùa chết - mùa đông. Sự phủ định lúc này, hiển nhiên là sự phủ định lấy sự sáng tạo phong phú của một năm mới làm tiền đề. Đó chính là sự phủ định của sáng tạo. Lễ hội nói chung, do đó, không phải là sản vật của sự phủ định theo nghĩa bài xích hẹp hòi, mà là thông qua phủ định để tiêu trừ sự cách biệt, sai biệt, để đạt tới thế giới đại đồng. Chẳng hạn như trong lễ tế thần, cho dù là kẻ thống trị hay kẻ bị trị đều bình đẳng trong nghi thức đốt vàng

hương, dâng hương...

Khi nhận diện lễ hội, còn phải nói đến cái hạt nhân cơ bản của lễ hội, đó là tính chất cuồng hoan và khoái chá. Giới Folklore Hàn Quốc dẫn ý kiến của Johann Huijinga cho rằng, lý do tồn tại của trò chơi/cuộc chơi trong lễ hội, trước hết là ở tính thích thú, khoái trá và cuồng hoan của nó. Cần phải nhận biết cái cảm giác thích thú, hoan lạc của cộng đồng chính là yếu tố tuyệt đối để tạo dựng lễ hội. Tính cuồng hoan, khoái trá bao giờ cũng là lực lượng/năng lượng để duy trì lễ hội. Những đặc tính này của lễ hội luôn luôn đặt nền tảng trên tính đối lập/đối sánh. Qua lễ hội, mọi người đều nhận rõ, lễ hội là sự đối sánh giữa cuộc sống thường ngày đều đặn, tẻ nhạt vô vị, với những thú vui đầy khoái trá của thời gian không gian lễ hội như: được cuồng hoan nhảy múa, ca hát; được đánh trống, đánh chiêng ầm ĩ tung bừng; được bứt phá công khai hoá những cái ngày thường bị cấm kỵ kiêng khem... Và tất cả những cái đó tạo nên sự thích thú, khoái trá, cuồng hoan của lễ hội.

Có thể coi, những điều vừa giải tỏ như là những triết thuyết cơ bản về lễ hội của giới Folklore Hàn - Nhật. Ở họ có những luận điểm khá gần gũi, nếu không muốn nói là có nhiều điểm gặp gỡ, tương đồng còn với giới Folklore Trung Quốc. Tuy cùng nằm trong bối cảnh đại đồng văn (context) Đông Á, song luận thuyết của họ về lễ hội dường như lại có xu hướng soi tìm về thượng nguồn tri thức lịch sử thời cổ của văn minh Trung Hoa. Các nhà Folklore Trung Quốc thường nhìn nhận lễ hội như là một hoạt động phong tục có tính chu kỳ; đồng thời quan niệm lễ hội như là "vật bạn sinh/vật phụ thuộc ký sinh" của văn minh nông nghiệp; do đó, lễ hội luôn luôn gắn với quy trình sản xuất nông nghiệp.

Trung Quốc là một trong những nước nông nghiệp phát triển sớm trên thế giới (Cách nay 6.000 - 7.000 năm, trong thời kỳ văn hóa Nguêng Thiều, đã xuất hiện nông nghiệp nguyên thuỷ). Nông nghiệp phát triển, tất yếu đòi hỏi người sản xuất phải nắm bắt được mùa vụ làm ruộng. Thế nhưng người thương cổ còn chưa biết đến lịch pháp như là công cụ đo đếm thời gian, do đó họ phải dựa vào thiên tượng (sự

vận hành của mặt trời, trăng, sao...), dựa vào vật tượng (sự biến đổi của động thực vật theo mùa) và dựa vào khí tượng (sự thay đổi của thời tiết nóng lạnh, mát ấm) mà quan sát để định thời gian làm nông nghiệp thích hợp. Vì thế, tri thức thiên văn, lịch pháp của Trung Quốc cổ đại phát triển khá sớm. (Cứ liệu, chứng tích trong văn giáp cốt thời Ân, kim văn đời Thương, và sách vở thời Tiên Tần còn cho thấy điều này). Người Trung Quốc thời cổ đại đã nắm bắt được quy luật biến hóa có tính chu kỳ của các hiện tượng tự nhiên. Do đó, họ đã có quan niệm đo đếm thời gian. Thời Ân Chu, người Trung Quốc bắt đầu biết ghi năm nhuận, đó là lịch pháp cổ xưa nhất của Trung Quốc. Theo lịch cổ, nếu lấy sự vận hành của mặt trời (Thái âm nguyên) làm đơn vị thì gọi là Âm lịch; nếu lấy sự vận hành của mặt trăng (Thái dương niên) làm đơn vị thì gọi là Dương lịch; nếu hợp nhất cả Thái âm nguyên và Thái dương niên thì gọi là Âm Dương hợp lịch, tức hằng năm có 12 tháng (nhuận thì có 13 tháng). Từ đó, việc đo đếm thời gian được xác định cụ thể, định ra đêm cuối năm là đêm 30, và sáng mồng một tháng Giêng là ngày đầu năm mới (Nguyên đán)... Sau khi có lịch pháp, người ta lại kiểm nghiệm độ chuẩn xác qua các thiên tượng, vật hậu, rồi hoàn thiện thêm để chỉ đạo sản xuất nông nghiệp. Người ta lại căn cứ vào vị trí mặt trời chu chuyển trên đường Hoàng đạo mà định ra 24 tiết khí (lập xuân, vũ thuỷ, kinh trập, xuân phân... đông chí, tiểu hàn, đại hàn). Sách *Thượng thư* thì ghi về bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) với các đặc điểm ngày dài, ngày ngắn... Còn sách *Lã Thị Xuân Thu* (thời Chiến Quốc) thì ghi về bát tiết (bát tiết khí) là: lập xuân, xuân phân, lập hạ, hạ chí, lập thu, thu phân, lập đông, đông chí. Thế là từ đó xác định "Tứ thời, bát tiết". Hai mươi bốn tiết khí là một bộ phận có giá trị khám phá quan trọng trong lịch pháp cổ đại Trung Quốc, nó phản ánh khách quan sự biến đổi thiên hậu, vật hậu của bốn mùa, trở thành căn cứ cốt yếu để điều hành sản xuất nông nghiệp. Tiết khí (lịch tiết/thời tiết) không phải là ngày tết/lễ hội, song nó là điều kiện tạo thành lễ hội.

Theo giới Folklore Trung Quốc, thì nông nghiệp thời cổ còn nảy sinh các hoạt động phong tục tương ứng như các cấm kỵ, sự quan

sát trông chừng thời tiết (trông trời, trông đất, trông mây...), tế lễ, chúc mừng... Và những cái đó đều có thể coi là các yếu tố sớm nhất của phong tục lễ tết/lễ hội. Kể từ đời Chu, người ta đẩy phong tục lên quy phạm lễ nghi, hoạt động tập trung và có tính định kỳ theo bốn mùa, do đó mà nảy sinh lễ tết/lễ hội theo mùa (Fêtes saisonnières). Đương nhiên, các nghi lễ lịch tiết có thay đổi thời gian theo lịch pháp của ba triều đại Hạ, Thương, Chu. Tới thời Hán Vũ Đế, năm Thái Sơ nguyên niên (104 tr.CN), toàn Trung Quốc thống nhất theo lịch nhà Hạ, và các ngày lễ tết/lễ hội đều được chế định trở thành các ngày lễ hội truyền thống, kéo dài hơn 2.000 năm đến tận ngày nay.

Như đã nói, lễ hội theo mùa, nghi lễ lịch tiết là "vật ban sinh" của văn minh nông nghiệp. Đó là định lý/nguyên lý cơ bản. Bởi vậy, khi cứu xét nguồn cội nảy sinh lễ hội theo mùa đều thấy rõ một động lực rất đơn giản mà vĩnh hằng, đó là cầu mong mùa màng phong đăng, người và gia súc phồn thịnh, yên lành... Ngoài ra, trong quá trình phát triển, nội dung lễ hội còn đan xen thêm các tín ngưỡng nguyên thuỷ xa xưa khiến cho hoạt động phong tục trong các nghi thức lễ hội càng thêm phức tạp, đa dạng và ngày càng phát triển theo hướng phức hợp.

Theo nhận định chung của giới Folklore Trung Quốc, thì nét nổi bật nhất của lễ hội theo mùa chính là sắc thái văn hoá nông nghiệp. Lễ hội là hình thức biểu hiện đặc thù có tính quy luật của sản xuất nông nghiệp, nó tương ứng với nhịp điệu sản xuất của bốn mùa: xuân gieo trồng, hè cày bừa, thu gặt hái, đông cất giữ. Do đó mà các lễ hội dân gian cũng hoà theo nhịp điệu sinh hoạt có tính lịch tiết như: xuân cầu đảo, hè trừ ôn dịch, thu báo công, đông tế Chạp. Mùa xuân, mở đầu năm mới, muôn vật tái sinh, nhưng việc canh nông chưa nhiều, nhà nông còn nhàn rỗi, mọi người tế trời lễ tổ, du xuân, cử hành các lễ hội mùa xuân...

Vào hè, việc nông bắt đầu bận dần, dịch bệnh của thời tiết nóng bức cũng phát triển, do vậy mà có những nghi thức lễ hội chủ yếu là trừ tà đuổi quỷ, trừ ôn dịch...

Mùa thu heo may, lúa mới về nhà, quả chín... Mọi người vui mừng đón mùa màng bội thu, dâng cờm mới tế tổ, đoàn tụ thưởng trăng...

vừa báo đáp thần thánh vừa tự uý lạo mình.

Mùa đông đến, kho đụn đầy đủ, lợn gà đầy chuồng, các lễ hội mùa đông theo đó phát triển. Rồi tháng Chạp tới, chuẩn bị đón năm mới, lại bắt đầu một chu kỳ (cycle). Cứ như vậy, các lễ hội theo mùa/các nghi lễ lịch tiết hầu như được phân bổ đều trong bốn mùa, thuận theo khí hậu và nông lịch trong một năm, theo một nhịp điệu hài hoà với quy trình sản xuất nông nghiệp, cũng như tiết tấu, nhịp điệu của đại tự nhiên.

Khảo sát các lễ hội cổ truyền, giới Folklore Trung Quốc cũng nhận thấy có yếu tố ca múa cuồng hoan "làm vui thần", trước là "vui thần" sau là "vui người", thần người cùng vui. Sau thời Tuỳ - Đường, do kinh tế - xã hội phát triển, nên các nghi lễ lịch tiết/lễ hội theo mùa ngày càng phát triển theo hướng vui chơi hoan lạc, tiệc rượu linh đình. Chẳng hạn, lúc đầu là đốt pháo đuổi tà quỷ, về sau phát triển thành các loại pháo tràng, pháo hoa... Tết Nguyên tiêu lúc đầu thắp đèn lồng là để tế thần, sau diễn biến thành hội hoa đăng... Từ đó cho thấy, nghi lễ lịch tiết cũng là một xuất phát điển cầu thành lễ hội theo mùa. Như thế, cũng cùng luận điểm như giới Folklore Hàn - Nhật, các học giả Trung Quốc cũng cho rằng, chiều hướng từ Lễ đến Hội là có tính phổ quát. Các công trình nghiên cứu về lễ hội thành hoàng ở Trung Quốc cho thấy rất rõ hiện tượng này. Thuật ngữ truyền thống gọi lễ hội là "miếu hội". Từ "miếu hội" được giải thích như sau: "miếu hội" hoặc gọi "miếu thị" là cuộc hội họp tín ngưỡng mang tính chợ búa trong khuôn viên đền miếu chùa chiền, hoặc bên ngoài kề cận đền chùa nhân dịp hoạt động tế lễ định kỳ. Lễ hội diễn ra, người hành lễ dự hội kéo đến đông vui, các thương nhân thấy kiếm được lợi cũng đến bán hàng lặt vặt, nên cũng gọi là "miếu thị".

Sự hình thành miếu hội là bởi hai điều kiện/yếu tố: Một là có chợ, tức hoạt động giao lưu hàng hoá. Loại chợ này không phải ngày nào cũng họp, cũng không do cá nhân nào tùy tiện quyết định, mà là một tục lệ được ước định là họp vào thời gian nào đó trong tháng, năm. Hai là có miếu, miếu là chỗ dựa, là địa bàn để mở chợ (hoặc trong hoặc ngoài khuôn viên). Thời gian mở chợ là do có định kỳ tế lễ lớn để cúng thần linh trong miếu. Nguyên do thành

chợ/thị cũng còn bởi có nhiều khách thập phương, con nhang đệ tử, thiện nam tín nữ đến tham dự lễ tế ở miếu. Theo sử sách Trung Hoa, thì lễ hội/miếu hội thành hoàng đại quy mô là vào khoảng thời Minh. Tính chất miếu hội gồm: chiêm bái một phần, mua bán ba phần, tham quan sáu phần (Để kinh cảnh vật lược). Đến thời Thanh, miếu hội thành hoàng càng quy mô hơn, hầu như ở các thành thị mỗi năm không chỉ một lần mà có tới mấy lần lễ hội lớn, với số người tụ họp rất đông vui. Thời Dân quốc, miếu hội thành hoàng vẫn phát triển; mọi người đến lễ hội, vừa là lễ thần, vừa để mua hàng hoá, lại được xem biểu diễn nghệ thuật. Từ sau ngày thành lập nước Trung Hoa mới (1949), lễ hội miếu thành hoàng có biến đổi ít nhiều, nội dung tín ngưỡng không đậm, song yếu tố họp chợ vẫn giữ, đến nay vẫn vậy.

Quan sát một số lễ hội miếu thành hoàng tiêu biểu, giới Folklore Trung Quốc rút ra mấy nhận định về những yếu tố cấu thành và chức năng lễ hội như sau:

1- Tế thần, là yếu tố then chốt và cơ sở. Tế thành hoàng là nội dung chủ yếu. Về cẩn bản, tín ngưỡng thành hoàng là hạt nhân của lễ hội.

2- Biểu diễn nghệ thuật dân gian, là yếu tố quan trọng, phong phú đa dạng, "Vui thần vui người", đủ các loại múa rồng, múa lân/sư... biểu diễn hý khúc, rước kiệu, trò chơi dân gian, diễn xướng dân gian các loại, khua chiêng, gõ trống cực kỳ nhộn nhịp, sôi động.

3- Giao lưu hàng hoá, từ thời Minh trở đi, nhân lễ hội đã hình thành mạng lưới thương nghiệp quanh miếu, hình thành các thương nhân nhỏ lẻ... Các chủng loại hàng hoá "thượng vàng hạ cám" không thiếu thứ gì... tạo thành ngày hội/chợ định kỳ. Đây cũng là yếu tố có sức cuốn hút, kích thích mọi người mong muốn tham dự lễ hội.

Cả ba yếu tố được xem như một chỉnh thể cấu thành lễ hội; ba yếu tố thiếu một đều bất thành hội. Và, ba yếu tố cũng đồng thời thực hiện ba chức năng lớn của lễ hội:

1- Chức năng tín ngưỡng: mọi người dự hội được an ủi tinh thần, thoả mãn tâm linh cầu dân an vật thịnh...

2- Chức năng mua vui: công chúng được hưởng thụ văn hoá nghệ thuật, được vui chơi

giải trí, được thoả sức hoan tiếu cuồng nhiệt...

3- Chức năng kinh tế: lễ hội là nơi thu hút hoạt động giao thương, trao đổi hàng hoá, sản vật địa phương, xúc tiến giao lưu hàng hoá giữa các địa phương, các thôn làng với các thị trấn, làm phồn vinh kinh tế thành thị. Cần hiểu thêm rằng, chợ hội/hội chợ lúc nguyên sơ chỉ đơn giản như một dịch vụ để phục vụ thiện nam tín nữ, thí chủ mười phương, nông dân thôn quê tới thành thị dự lễ hội tiện mua đồ ăn thức uống, mua sắm những vật dụng cần thiết, rẻ tiền... Về sau mới phát triển dần thành mạng lưới thương nghiệp phong phú vì lợi ích kinh tế.

Nói tóm lại, có thể khẳng định chắc chắn rằng: lễ hội miếu thành hoàng là bắt nguồn từ tín ngưỡng thành hoàng. Và, từ đó suy ra, chính là từ lễ mà có hội vậy.

Tuy nhiên, các nhà Folklore Hàn - Nhật - Trung Quốc đều có chung nhận xét rằng, mặc dầu hội xuất phát từ lễ, song càng về giai đoạn muộn thì lễ hội càng nhạt nhòa hạt nhân tín ngưỡng, mà yếu tố "vui thần vui người" ngày càng có xu thế phát triển phong phú, đa dạng hơn để hoà nhịp với nhu cầu văn hoá - xã hội của thời đại.

Trên đây là những luận thuyết được giới Folklore Đông Á khái quát từ thực tiễn lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc bản địa; song cũng không loại trừ khả năng những tri thức của họ ít nhiều có sự giao thoa, thẩm thấu với những triết thuyết của các học giả châu Âu mà họ từng viếng dã (chẳng hạn như nhà lịch sử triết học Hà Lan Johann Huizinga, nhà xã hội học Pháp Roger Caillois, nhà tôn giáo học Pháp gốc Rumani Mircea Eliade...). Do vậy, nhận quan khoa học của họ không chỉ là tầm nhìn Đông Á, mà cũng là tầm nhìn có tính phổ quát nhân loại. Đặc biệt khi bàn về lễ hội nông nghiệp - một loại hình lễ hội hàm chứa nhiều yếu tố tín ngưỡng cổ xưa, thì nhận thức của họ cũng không khác gì lý giải của giới Folklore Châu Âu. Chẳng hạn, có thể liên hệ với những kiến giải về lễ hội nông nghiệp của các nhà Folklore Nga như một so sánh khái lược để thấy rõ sự gặp gỡ Đông - Tây này.

Điều thú vị là, những kiến giải về lễ hội của giới Folklore Trung Quốc cho thấy có phần rất gần gũi với những kiến giải của các nhà



Folklore Nga khi nói về các lễ hội cổ truyền ở Nga - đó là những lễ hội gắn liền với sản xuất nông nghiệp, mang đậm tính chất nông dân, nông nghiệp. Theo các nhà Folklore Nga thì các hoạt động nghi lễ gắn liền với lao động sản xuất của nông dân và tiến hành hàng năm theo một trình tự nhất định, nghĩa là theo lịch tiết, thì được gọi là nghi lễ lịch tiết (Calendrical rites). Đây không phải là hiện tượng đặc nhất trong Folklore Châu Âu. Các dân tộc khác cũng có những nghi lễ lịch tiết nông nghiệp tương tự. Song, do chịu nhiều ảnh hưởng của nền văn hóa cổ đại Hy Lạp và La Mã, nên các lễ hội lịch tiết đặc biệt gắn liền với mùa gặt hái và vui tết năm mới ở Nga, theo quan niệm của những người tiến hành nó, sẽ đảm bảo sự sung túc kinh tế cho suốt cả năm mới, đặc biệt là đảm bảo được mùa. Khả năng ấy được khẳng định bằng các hình thức tái hiện các công việc lao động nông nghiệp, như vác cà bừa đi quanh làng, làm động tác bắt chước công việc gieo hạt v.v... Tục làm cỗ thật to cũng nhằm mục đích bảo đảm công việc làm ruộng trong năm, được thuận lợi. Lễ hội lịch tiết thứ hai liên tiếp theo sau tết năm mới là lễ hội mang tên Maxlenhitsa tổ chức vào tháng 2 hoặc đầu tháng 3. Đây là một lễ hội có nguồn gốc cổ xưa, kéo dài suốt một tuần, mọi người tha hồ vui chơi và ăn uống. Nhân dân gọi đó là ngày hội "phóng khoáng", "vui chơi", "thực bụng". Đặc điểm của ngày hội là ăn uống lu bù, vui chơi thoả thích, thậm chí có thể buông tuồng, phóng đăng; đặc điểm này tượng trưng cho sự phong lưu dư dật mà vụ mùa bội thu năm ấy sẽ đem lại... Bên cạnh tính chất chung của Hội Maxlenhitsa nhằm mục đích cầu vụ xuân, vụ hè tươi tốt, trong đó còn có hàng loạt nghi lễ của hội nhằm tiễn đưa mùa đông vì những lợi ích

Kiều Thu Hoạch: *Lễ hội - nhìn từ luận thuyết...*

nông nghiệp của nông dân... (A.M. Novicôva chủ biên: *Sáng tác thơ ca dân gian Nga*, bản dịch của Đỗ Hồng Chung - Chu Xuân Diên, Nxb. ĐH&THCN Hà Nội, 1983, tr.99 - 109). (Cũng có thể tham chiếu thêm những luận giải vô cùng sâu sắc về lễ hội nông nghiệp của nhà Folklore Nga nổi tiếng Valadimir Ia Propp (1895 - 1970) trong công trình "Những lễ hội nông nghiệp Nga"/Tuyển tập V.Ia. Propp, bản dịch, Nxb. Văn hoá dân tộc - Tập chí Văn hoá nghệ thuật, H, tập II, 2004).

Lễ hội như chúng ta đã thấy, là một loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian tổng hợp/phức hợp có tính chu kỳ và tính phong tục của một cộng đồng người, vốn đã nảy sinh từ thời nguyên thuỷ xa xưa, và phát triển trong suốt diễn trình lịch sử nhân loại cho đến tận ngày nay. Vậy điều gì đã khiến cho lễ hội miên tục trường tồn như vậy? Chúng tôi hy vọng những gì vừa bày tỏ không chỉ góp phần giải mã những bí ẩn của lễ hội, mà còn góp phần gợi mở và tạo lập một nền tảng lý thuyết để từ đó khám phá, lý giải các vấn đề của lễ hội Việt Nam đang đặt ra hiện nay, nhằm bảo tồn - phát huy một di sản văn hóa vô cùng phong phú và giàu bản sắc của dân tộc ta./.

K.T.H

Tài liệu tham khảo chính:

- 1- Á tế Á dân tục nghiên cứu (The study on Asian Folklore, T.2), Dân tộc xuất bản xã, Bắc Kinh, 1999.
- 2- Trung Quốc dân gian văn hóa, Số 2, 1994, Học lâm xuất bản xã, Thượng Hải.
- 3- Trung Quốc dân gian tín ngưỡng phong tục từ điển, Trung Quốc Văn liên xuất bản công ty, Bắc Kinh, 1992.
- 4- Đông Quốc tuế thời ký, Hong Seok Mo, 1849.
- 5- Hàn Quốc tuế thời phong tục, Choi Sang Soo, 1960.

KIỀU THU HOẠCH: FESTIVAL - THROUGH THEORETICAL VIEWPOINTS OF EAST ASIAN AND EUROPEAN FOLKLORISTS

By citing comments and analysis of international scholars on festivals in Korea and Japan, the author gives specific opinions on festival in general. He also talks about performances of ritual and traditional culture in behaving toward gods and communities, from which to link them with Chinese tradition through time and space in order to partly explain some common issues of festival and shed light for festival in Vietnam.